

Lời nói đầu

“Đồng Nai nước ngọt gió hiền
Biên Hùng muôn thuở tiếng truyền an vui.”

Đồng Nai, một tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ của nước Việt Nam, một trong những vùng kinh tế trọng điểm của đất nước.

Với vị trí thuận lợi của bản thân: Đông giáp tỉnh Bình Thuận, Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh, Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng và Bình Dương, Đồng Nai đã trở thành cửa ngõ dẫn vào vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cũng là vùng có nền kinh tế phát triển.

Không chỉ có nền kinh tế phát triển mà Đồng Nai cũng có bề dày lịch sử “không phải hạng xoàng”.

Vào năm 1679, một nhóm người Hoa thuộc nhà Minh (Trung Quốc) không thuận phục nhà Thanh đã vào nước ta đến xin theo chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn Phúc Tần đã thu nạp họ và cho phép họ vào khai khẩn ở vùng đất Đông Phố, chính là Cù Lao Phố thuộc tỉnh Đồng Nai ngày nay. Nhóm người Hoa này đã phát triển Nông Nại Đại Phố (cách người Hoa gọi Cù Lao Phố) trên sông Đồng Nai thành thương cảng bậc nhất thời bấy giờ. Cho đến năm 1698, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào đây kinh lược, ngài đã thiết lập nền hành chính đầu tiên cho vùng đất Đồng Nai.

Nếu tính từ năm Nguyễn Hữu Cảnh thiết lập hành chính (năm 1698) thì đến nay (năm 2018), vùng đất Đồng Nai đã có 320 năm hình thành và phát triển, một con số không hề nhỏ và giá trị văn hóa lịch sử của Đồng Nai cũng tương xứng với 320 “tuổi” của vùng đất.

Lịch sử tuy dày, tuy đẹp như vậy nhưng lớp trẻ của tỉnh hầu như không hứng thú cho lắm. Điển hình như là có khoảng 87% thí sinh dưới điểm trung bình môn Lịch sử trong cuộc thi Trung học phổ thông quốc gia vừa rồi. Sử cả nước trong sách giáo khoa là bắt buộc mà còn chẳng biết hưởng hồ gì để ý đến sử địa phương. Khi được hỏi đến tại sao lại như thế, tại sao lại ghét sử đến vậy thì họ chỉ bảo rằng sử khô khan, khó học, học sử xong thì biết làm gì....

Nắm bắt tâm lý này của giới trẻ và nhân dịp kỉ niệm 320 năm của vùng đất Biên Hòa- Đồng Nai, Sở khoa học và công nghệ cùng với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và Ban tìm hiểu giá trị văn hóa- lịch sử Đồng Nai đã tổ chức cuộc thi

“Tìm hiểu giá trị văn hóa- lịch sử Đồng Nai 2018” nhằm khơi gợi được lòng yêu sử của giới trẻ, tuyên truyền cho mọi người về sử và các giá trị văn hóa, từ đó nêu cao trách nhiệm tìm hiểu, bảo vệ các giá trị văn hóa- lịch sử địa phương và quốc gia.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Sở khoa học công nghệ và nhà trường, cùng với lòng yêu sử nước nhà, mong muốn cho mọi người biết về sử và văn hóa đặc sắc của địa phương, dân tộc nên tôi đã làm “cuốn sách” này để tham dự cuộc thi “Tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử Đồng Nai 2018”.

Nội dung chủ yếu xoay quanh về thời kì kháng chiến chống đế quốc, thực dân của nhân dân Biên Hòa- Đồng Nai và truyền thống cách mạng vĩ đại của dân tộc. Với những hình ảnh minh họa ở từng mục nhằm đơn giản hóa các kiến thức hàn lâm, gây sự hứng thú đến những bạn đọc trẻ. Hy vọng “cuốn sách” này có thể tác động được phần nào sự quan tâm của giới trẻ đến sử địa phương cũng như sử nước nhà.

Kính mong nhận được sự góp ý chân thành của ban giám khảo.

Xin chân thành cảm ơn.

Tác giả

Đỗ Phương Quyên



Mục lục

Lời nói đầu01

I- TRẢ LỜI CÂU HỎI

Câu 106

Những thay đổi về địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai từ năm 1976 đến nay06

Nguồn gốc của tên gọi Đồng Nai28

Câu 231

1. Các cuộc kháng chiến chống Pháp (1945- 1954)31

1.1. Trận đánh giao thông La Ngà32

1.2. Đánh tháp canh De Latour và sự hình thành cánh đặc công
.....34

2. Các cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954- 1975)36

2.1. Nổi dậy phá khám Tân Hiệp36

2.2. Trận đánh Nhà Xanh40

2.3. Đánh sân bay Biên Hòa43

2.4. Tấn công Tổng kho Lòng Bình45

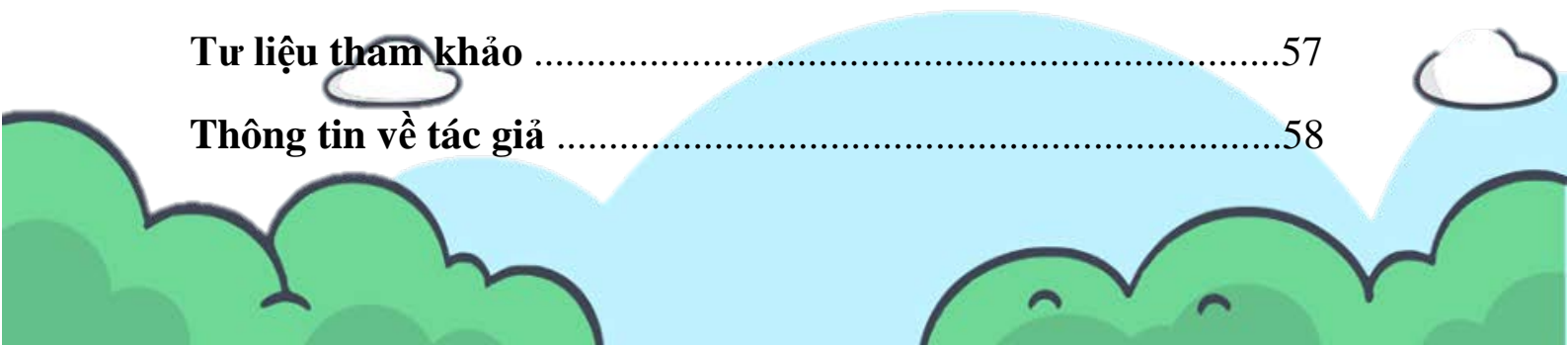
2.5. Chiến dịch Xuân Lộc, đập tan “cánh cửa thép” Mỹ- Ngụy
.....47

3. Cảm nhận về truyền thống đấu tranh cách mạng của quân dân Biên
Hòa- Đồng Nai49

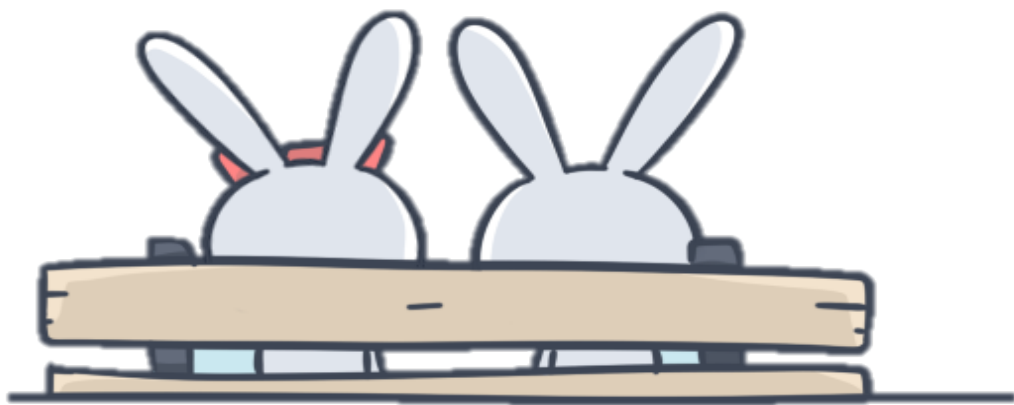
II- PHỤ LỤC MỘT SỐ HÌNH ẢNH53

Tư liệu tham khảo57

Thông tin về tác giả58



I- TRẢ LỜI CÂU HỎI



Câu 1:

Trình bày những thay đổi về địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai từ năm 1976 đến nay ?

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, đất nước ta hoàn toàn giải phóng, tiến lên xây dựng Nhà nước Xã hội chủ nghĩa. Bước đầu của công trình xây dựng đất nước đó chính là phải phân chia lại về địa giới hành chính, phù hợp với từng vùng miền. Đồng Nai cũng không ngoại lệ.

Tháng 2 năm 1976, chính quyền mới hợp nhất tỉnh Biên Hòa, tỉnh Long Khánh và tỉnh Phước Tuy thành tỉnh Đồng Nai. Đồng Nai lúc bấy giờ gồm thành phố Biên Hòa, thị xã Vũng Tàu và chín huyện: Châu Thành, Duyên Hải, Long Đất, Long Thành, Tân Phú, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Xuyên Mộc.

Ngày 23 tháng 12 năm 1978, theo Quyết định 272-CP: sáp nhập xã Hồ Nai 1 và Hồ Nai 2 vào thành phố Biên Hòa.

Ngày 29 tháng 12 năm 1978, trong Kỳ họp thứ 4 - Quốc hội khóa VI quyết định chuyển huyện Duyên Hải vào Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 5 năm 1979, theo Nghị quyết thành lập đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo: tách xã Vũng Tàu và xã Long Sơn khỏi tỉnh Đồng Nai, thành lập Đặc khu Vũng Tàu- Côn Đảo (với huyện Côn Đảo của tỉnh Hậu Giang).

Ngày 1 tháng 3 năm 1980, Quyết định 66-CP: sáp nhập xã Tân Lập vào huyện Châu Thành

Năm 1982, Quyết định 192-HĐBT:

Chia xã Phú Mỹ thành hai xã là xã Phú Mỹ và Mỹ Xuân.

Chia xã Phước Hòa thành hai xã là xã Phước Hòa và Hội Bài.

Thành lập xã Châu Pha trên cơ sở sáp nhập một phần đất của xã Hắc Dịch và một phần đất của xã Long Hương.

Sáp nhập xã Tân Lập vào huyện Xuân Lộc.

Thành lập thị trấn nông trường sông Ray trên cơ sở sáp nhập xã Tân Lập và nông trường sông Ray.

Chia xã Gia Kiệm thành hai xã lấy tên là xã Gia Kiệm và xã Quang Trung.

Ngày 17 tháng 1 năm 1984, Quyết định 12-HĐBT:

Chia xã Xuân Bình thành hai xã là xã Xuân Bình và Xuân Vinh.

Chia xã Xuân Tân thành hai xã là xã Xuân Tân và Xuân Mỹ.

Chia xã Phú Ngọc thành hai xã là xã Phú Ngọc và Suối Nho.

Chia xã Phước Bửu thành hai xã là xã Phước Bửu và Phước Tân.

Hợp nhất xã Phước Long và xã Phước Thọ thành xã Long Thọ.

Hợp nhất xã Phước Lai và xã Phước Kiểng thành xã Hiệp Phước.

Hợp nhất xã An Lợi và xã Phước Nguyên thành xã An Phước.

Chia phường Hồ Nai hai thành hai phường là phường Tân Biên và phường Tân Hòa.

Hợp nhất xã Bửu Long và xã Tân Thành thành xã Tân Bửu.

Ngày 1 tháng 2 năm 1985, Quyết định 24-HĐBT:

Chia xã Ngãi Giao thành bốn xã là xã Kim Long, Xà Bang, Láng Lớn và Ngãi Giao.

Chia xã Suối Nghệ thành hai xã là xã Nghĩa Thành và Suối Nghệ.

Ngày 23 tháng 12 năm 1985, Quyết định 284-HĐBT:

Thành lập thị xã Vĩnh An thuộc tỉnh Đồng Nai trên cơ sở huyện Vĩnh Cửu và hai lâm trường Hiếu Liêm, Mã Đà của huyện Tân Phú.

Ngày 12 tháng 2 năm 1987, Quyết định 16-HĐBT:

Hợp nhất xã An Hòa và xã Long Hưng thành xã Hòa Hưng.

Hợp nhất ba xã Bình Phước, Bình Ý và Tân Triều thành xã Tân Bình.

Hợp nhất hai xã Bình Long và Lợi Hòa thành xã Bình Lợi.

Hợp nhất hai xã Bình Thạnh và xã Tân Phú thành xã Thạnh Phú.

Hợp nhất hai xã Đại An và xã Tân Định thành xã Tân An.

Chia phường Cây Gáo thành phường Cây Gáo và xã Vĩnh Tân.

Sáp nhập xã Phú Lý thuộc huyện Tân Phú vào thị xã Vĩnh An.

Ngày 5 tháng 7 năm 1988, Quyết định 103-HĐBT: chia phường Tam Hòa thành hai phường là phường Tam Hòa và phường Bình Đa.

Ngày 10 tháng 4 năm 1991, Quyết định 107-HĐBT: chia huyện Xuân Lộc thành hai huyện Long Khánh và Xuân Lộc; chia huyện Tân Phú thành hai huyện Tân Phú và Định Quán.

Ngày 12 tháng 8 năm 1991, cắt chuyển 3 huyện Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc của tỉnh Đồng Nai nhập vào tỉnh mới Bà Rịa – Vũng Tàu.

Năm 1992, Quyết định 593/QĐ-TCCP: chia xã Phú Lộc thành hai xã là xã Phú Lộc và Trà Cỏ. Chia xã Xuân Đường thành hai xã là xã Xuân Đường và Xuân Quế.

Ngày 23 tháng 6 năm 1994, Nghị định 51-CP:

Chia huyện Long Thành thành hai huyện là huyện Long Thành và Nhơn Trạch.

Chia xã Phú Hoa thành ba xã là xã Phú Lợi, Phú Vinh và Phú Tân.

Chia xã Phú Túc thành ba xã là xã La Ngà, Túc Trung và Phú Túc.

Chia xã Phú Ngọc thành ba xã là xã Thanh Sơn, Ngọc Định và Phú Ngọc.

Chia thị trấn Định Quán thành xã Gia Canh và thị trấn Định Quán.

Ngày 29 tháng 8 năm 1994, Nghị định 109-CP:

Chia xã Xuân Bình thành xã Bảo Bình và Xuân Thiệu.

Chia xã Xuân Vinh thành xã Bảo Quang và Bảo Vinh.

Chia xã Xuân Tân thành bốn xã là xã Xuân Tân, Xuân Thanh, Long Giao và Nhân Nghĩa.

Chia xã Xuân Lập thành bốn xã là xã Xuân Lập, Bàu Sen, Suối Tre và Xuân Thạnh.

Chia xã Xuân Quế thành hai xã là xã Xuân Quế và Sông Nhạn.

Chia xã Xuân Đường thành hai xã là xã Xuân Đường và Thừa Đức.

Chia xã Bình Sơn thành hai xã là xã Bình An và Bình Sơn.

Chia xã Phước Thái thành hai xã là xã Phước Bình và Phước Thái.

Chia lại xã Hòa Hưng thành hai xã cũ là xã An Hòa và Long Hưng.

Chia xã Phú Hữu thành hai xã là xã Phú Hữu và Phú Đông.

Chia xã Phú Bình thành hai xã là xã Phú Bình và Phú Sơn.

Chia xã Phú Lộc thành hai xã là xã Phú Lộc và Phú Thịnh.

Chia xã Phú Bình (mới) thành hai xã là xã Phú Bình và Phú Trung.

Chia xã Phú Thanh thành hai xã là xã Phú Thành và Phú Xuân.

Chia xã Phú Lập thành hai xã là xã Phú Xuân và Tà Lài.

Chia xã Phú Lâm thành hai xã là xã Phú Lâm và Thanh Sơn.

Chia xã Trảng Bom 1 thành thị trấn Trảng Bom và xã Sông Trầu.

Chia xã Trảng Bom 2 thành ba xã là xã Đông Hòa, Tây Hòa và Trung Hòa.

Chia xã Hố Nai 4 thành ba xã là xã Bắc Sơn, Bình Minh, Quảng Tiến.

Chia xã Hưng Lộc thành hai xã là xã Hưng Lộc và Hưng Thịnh.

Chia xã Bàu Hàm 1 thành hai xã là xã Bàu Hàm và Sông Thao.

Chia xã Xuân Bảo thành hai xã là xã Xuân Bảo và Bảo Bình.

Chia xã Xuân Định thành hai xã là xã Xuân Định và Bảo Hòa.

Chia xã Sông Ray thành ba xã là xã Sông Ray, Lâm Sơn và Lang Minh.

Chia xã Xuân Trường thành hai xã là xã Xuân Trường và Suối Cao.

Chia xã Xuân Hiệp thành hai xã là xã Xuân Hiệp và Suối Cát.

Ngày 21 tháng 8 năm 2003, Nghị định 97/2003/NĐ-CP: thành lập huyện Thống Nhất, Trảng Bom trên cơ sở chia tách huyện Thống Nhất trước đây, thành lập huyện Cẩm Mỹ trên cơ sở một số xã của huyện Long Khánh và huyện Xuân Lộc.

Sau nhiều lần thay đổi, tính cho đến hiện nay, năm 2018, tỉnh Đồng Nai có tổng cộng có 11 đơn vị hành chính trực thuộc: thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ, huyện Định Quán, huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch, huyện Tân Phú, huyện Thống Nhất, huyện Trảng Bom, huyện Vĩnh Cửu và huyện Xuân Lộc.



Địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2003

Tên gọi Đồng Nai có nguồn gốc như thế nào?

Có bao giờ bạn đã thắc mắc về nguồn gốc tên của nơi mình sinh ra hay là nơi mình đang sống không? Bất cứ địa danh nào cũng mang trong mình một ý nghĩa, một nguồn gốc riêng biệt. Tôi sinh ra và lớn lên ở Đồng Nai. Ngay từ khi còn là trẻ con, với bản tính tò mò, hiếu kì sẵn có của mọi đứa trẻ, tôi không ngừng thắc mắc về tên gọi của tỉnh Đồng Nai. Tại sao tỉnh lại có cái tên đó mà không phải cái tên nào khác? Ý nghĩa của nó là gì? Cho đến tận bây giờ, trở thành một học sinh Trung học phổ thông, có nhận thức rõ ràng cùng với sự phát triển của Internet và các nguồn tư liệu, cuối cùng tôi cũng có thể hiểu được phần nào.

Theo cách giải thích của đại đa số dân Đồng Nai, tên gọi Đồng Nai có nghĩa là: “cánh đồng có nhiều nai”, điều này cũng được thể hiện rõ trong biểu trưng đại diện cho tỉnh.



Biểu trưng đại diện tỉnh Đồng Nai

Theo một sổ sử sách xưa, danh xưng Đồng Nai được dùng để chỉ một vùng đất. Phủ Biên tạp lục của Lê Quý Đôn có viết: “*Đất Đồng Nai từ cửa biển Cần Giờ, Soi Rạp, Cửa Đại, Cửa Tiểu...toàn là rừng rậm hàng mấy vạn dặm...*”, lúc này Lê Quý Đôn đồng nhất đất Đồng Nai với cả đồng bằng Nam Bộ. Còn trong

tác phẩm khảo cứu Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức có ghi chép rằng: “*Bà Rịa ở đầu trấn Biên Hòa, là đất có danh tiếng, nên các phủ phía Bắc có câu ngạn rằng: cơm Nai Rịa, cá Rí Rang, ấy là lấy xứ Đồng Nai và Bà Rịa đứng đầu mà bao gồm cả Bến Nghé, Sài Gòn, Mỹ Tho, Long Hồ vậy*”. Bộ tư liệu sử Đại Nam nhất thống chí quyển thượng tập thứ năm, của Quốc sử quán triều Nguyễn có nhiều chỗ đề cập Đồng Nai: “*Chợ Lộc Dã ở phía Nam hạ lưu sông Phước Long, huyện Phước Chánh, nguyên xưa kia là cánh đồng hươu nai ở nên đặt tên ấy, hoặc gọi là Lộc Động, tục danh chợ Đồng Nai cũng là ở chỗ này. Xét sáu tỉnh Gia Định mà thông xưng là Đồng Nai vì khai thác chỗ Đồng Nai trước hết, nên cứ chỗ gốc cũng gồm đủ chỗ ngọn*”.

Tuy nhiên cũng có cách lý giải khác về danh xưng này. Có ý kiến cho rằng “Đồng” trong “Đồng Nai” là cách gọi biến âm từ chữ “Đờng” trong “Đạ Đờng” (Sông Cái) của người Mạ. Trong quá trình hình thành, dần dà chữ “Đạ” mất đi, chữ “Đờng” được duy trì và đọc trại thành “Đồng”. Con sông Đờng có nhiều Nai để gọi thành sông Đồng Nai. Tức là Đồng Nai bắt nguồn từ con sông lớn có nhiều nai chứ không phải là cánh đồng có nhiều hươu nai.



Một khúc sông Đồng Nai

Địa danh Đồng Nai xuất hiện lần đầu tiên bằng chữ quốc ngữ năm 1747 trong một báo cáo về giáo dân Nam bộ của Launay gửi cho giáo hội Công giáo với cách gọi là Dou-nai. Sau đó, địa danh Đồng Nai xuất hiện vừa bằng chữ Nôm vừa bằng chữ quốc ngữ vào năm 1772 trong từ điển An Nam – La tinh (Dictionariumannamico-latinum) của Pigneau de Béhaine. Về nghĩa hai chữ này, các tác giả đều hiểu là “cánh đồng có những con nai”. Khi cần dịch sang chữ Hán, các nhà nho đã dùng hai chữ “Lộc Dã” với “Lộc” là Nai còn “Dã” là cánh đồng. Một số khác thay vì dùng Lộc Dã, lại dùng Lộc Động, tên gọi này có

lẽ vừa phiên nghĩa, vừa chú âm (Lộc dịch chữ Nai; Động chú âm chữ Đồng). Ngoài ra còn có trường hợp gọi Đồng Nai là Nông Nại. Nông Nại có thể là trại âm từ Đồng Nai mà theo Trịnh Hoài Đức khi đi sứ sang Thanh quốc thấy người Hoa dùng chữ “Nông Nại Đại Phố” để gọi Cù Lao Phố. Từ “Đồng” được phiên âm thành “Nông” có thể chấp nhận vì hai phụ âm “đ” và “n” cùng phụ âm đầu lưỡi, còn từ Nai trong tiếng Hán-Việt không có, nên phải dùng từ Nại là âm tiết tương cận để phiên.

Như vậy tất cả các tên gọi trên chỉ là phiên dịch từ “Đồng Nai” cho phù hợp với từng nơi gọi và từng dân tộc.

Dù đã được nghiên cứu và có nhiều cách lý giải khác nhau, song vẫn chưa có ý kiến thống nhất về nguồn gốc và ý nghĩa của tên gọi tỉnh Đồng Nai. Cho đến nay, địa danh Đồng Nai quy vào ba xuất xứ: Tên một nước cổ đại, tên con sông theo cách gọi của người Mạ và từ quan sát đương thời, rốt cuộc là dựa vào điều gì âu cũng chưa thể biết được. Tuy nhiên từ những tư liệu trên đã có thể lý giải được phần nào cho các bạn thích tìm hiểu về danh xưng của các tỉnh thành trên đất nước Việt Nam, cũng như là lý giải được phần nào khúc mắc trong tôi. Danh xưng này có lẽ sẽ mất thêm nhiều năm nữa để có thể hiểu một cách chính xác về nguồn gốc của nó. Tuy nhiên dầu biết hay không thì tên gọi Đồng Nai cũng đã ăn sâu vào tiềm thức người dân nơi đây, về một vùng đất đầy hào khí, một nền văn hóa không hề nhỏ của miền Nam nói chung và đất nước Việt Nam nói riêng.

“Nhà Bè nước chảy chia hai,
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.”

Câu 2:

Cho biết những chiến công tiêu biểu của quân dân Biên Hòa- Đồng Nai trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chống Mỹ (1954-1975). Trình bày cảm nhận của anh (chị) về truyền thống đấu tranh cách mạng của quân dân Biên Hòa - Đồng Nai; Anh (chị) sẽ làm gì để phát huy truyền thống cách mạng ấy?

Tự thuở ban sơ lập quốc, đất nước chúng ta đã trải qua muôn vàn trận chiến. Trong những trận chiến đó, chúng ta có khi thất bại, chịu ách đô hộ nhưng có khi chúng ta giành chiến thắng, xây dựng nền độc lập và đạt được những chiến công hiển hách vang dội. Biên Hòa- Đồng Nai là một vùng đất mới khai phá, thuộc nước Việt Nam khá là muộn. Dù là “vào sau” nhưng trong công cuộc bảo vệ nước nhà khỏi Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ, quân dân Biên Hòa- Đồng Nai đã góp vào những cuộc chiến trọng yếu, tạo nên những bước ngoặt lớn cho dân tộc.

1, Các cuộc kháng chiến chống Pháp (1945- 1954)

Cách mạng tháng Tám thành công, tạo nên sự chuyển biến lớn trong cuộc kháng chiến của nước ta. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đất nước ta từ một nước phong kiến nửa thực dân đã tiến tới kỉ nguyên của độc lập, tự do.

Nhưng Nhà nước mới ra đời lại vấp phải vô vàn khó khăn: thiên tai, đói kém, mất mùa do chiến tranh, hơn 90% dân số nước ta thời bấy giờ bị mù chữ. Nguy hiểm nhất chính là giặc ngoại xâm. Từ vĩ tuyến 16 trở ra có hai mươi vạn quân Tưởng lấy danh nghĩa giải giáp quân Nhật tràn vào nước ta, từ vĩ tuyến 16 trở vào với sự trợ giúp của quân Anh, Pháp trở lại nước ta nhằm biến nước ta thành thuộc địa một lần nữa.

Đêm 22 rạng sáng 23 tháng 9, thực dân Pháp nổ súng tiến công Sài Gòn mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Quân và dân Nam bộ, trước hết là quân và dân Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định đã thay mặt cả nước đứng lên chiến đấu, cuộc chiến lan rộng ra khắp miền Đông và sau đó là miền Tây Nam bộ.

Trên địa bàn Biên Hòa lập tức hình thành nhiều tổ chức vũ trang yêu nước gồm: Vệ Quốc đoàn quận Châu Thành, Vệ Quốc đoàn quận Long Thành và Vệ Quốc đoàn Biên Hòa. Tháng 6 năm 1946, Quân Khu 7 mở Hội nghị Quân sự toàn Khu tại Đông Thành, quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang mỗi tỉnh và tổ chức thành Chi đội. Tại Biên Hòa, Vệ quốc đoàn Long Thành sáp

nhập vào Vệ quốc đoàn Biên Hoà. Từ đây, lực lượng vũ trang yêu nước tại Biên Hoà hình thành Chi đội 10.

Ngoài Chi đội 10, còn có Quân khu 7, chiến khu Đ là lực lượng nòng cốt của quân dân Biên Hoà. Cùng với nhân dân, đã tạo nên những chiến công hiển hách, vĩ đại.

1.1. Trận đánh giao thông La Ngà

Một trong những trận đánh tiêu biểu của chi đội 10 trong kháng chiến chống Pháp không thể không nhắc đó chính là trận đánh giao thông La Ngà. Đây là trận đánh giao thông lớn nhất ở miền Đông Nam bộ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp do lực lượng vũ trang Chi đội 10 Biên Hoà phối hợp với Liên quân 17 (bộ đội Khu 7) thực hiện. Chi đội 10 lúc bấy giờ do Huỳnh Văn Nghệ làm chi đội trưởng (đồng thời là Khu bộ phó khu 7), ông Nguyễn Văn Lung – chi đội phó – trực tiếp chỉ huy trận đánh.

Ngày 1 tháng 3 năm 1948, sau một thời gian dài chuẩn bị, Chi đội 10 phục kích tấn công đoàn xe quân sự Pháp từ Sài Gòn đi Đà Lạt trên quốc lộ 20. Tuyến phục kích trải dài trên 9 km từ cây số 104 đến 113 nay thuộc địa bàn Định Quán. Đây là đoạn đường rải nhựa bằng phẳng nhưng uốn lượn quanh co khúc khuỷu, có nhiều đoạn dốc kéo dài. Hai bên đường là rừng già, có chỗ một bên là vực sâu, có độ dốc cao.

Lực lượng vũ trang cách mạng tập kết quân và bố trí phục kích trên ba mặt trận với tên gọi: A - trận địa chặn đầu, C - trận địa khóa đuôi, B - trận địa ở giữa. Binh công xưởng chi đội bố trí địa lôi ở 3 trận địa A, B, C, bên trên nguy trang bằng những đồng phân voi.

Vào khoảng 15 giờ 12 phút, chiếc thiết giáp dẫn đầu đoàn xe địch lọt vào trận địa phục kích. Quân cách mạng tấn công. Ba trái địa lôi và viên đạn chống tăng gần như nổ cùng một lúc tạo nên một cột lửa khói bao trùm mục tiêu. Chiếc thiết giáp bị đẩy hất lên nằm chắn ngang đường rồi bốc cháy. Tên chỉ huy đoàn xe cùng bộ phận thông tin chết tại chỗ. Hai chiếc xe chở lính hộ tống đi tiếp sau đâm sầm vào xác chiếc xe trước bắt lửa cháy luôn. Quân cách mạng dùng hỏa lực tiêu diệt đám lính sống sót và vận động xung phong tấn công trực diện đoàn xe địch trên lộ.



Số xe địch đi sau lọt hẳn vào trận địa và tiếp tục tiến lên, không hay biết về bộ phận đi đầu đã bị tiêu diệt. Khắp cả hai mặt trận B và C, quân ta tập trung hỏa lực vào những xe quân sự, chiến đấu quyết liệt với địch và nhanh chóng làm chủ trận địa. 16 giờ trận đánh kết thúc, 59 xe địch bị tiêu diệt hoàn toàn, diệt 150 lính hộ tống, 25 sĩ quan Pháp, trong đó có đại tá De Sérigné (Đờ-xê-ri-nhê) - chỉ huy lữ đoàn lê dương thứ 13 và đại tá Patruit (Pa-tơ-rút) - phó tham mưu trưởng thứ nhất quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương bị thiệt mạng, trung úy Joeffrey (Dép-phây) - chỉ huy đội hộ tống bị bắt sống.

Trong số 270 tù hàng binh và hành khách, có nhiều người và binh lính bị thương và người già, sức yếu, trẻ em sau khi được săn sóc, giải thích rõ chủ trương chính sách của Mặt trận Việt Minh, ta phóng thích tại chỗ. Số còn lại được đưa về căn cứ tập kết ở Suối Cát, gồm nhiều thành phần: trí thức, nữ tu, người buôn bán, hầu hết đều ở Sài Gòn. Sáng ngày 2 tháng 3 năm 1948, tất cả các hành khách sau một đêm sống trong vùng kháng chiến được bộ đội đưa ra Quốc lộ 20 để về Sài Gòn.

Chiến thắng La Ngà gây một tiếng vang lớn trong cả nước ta, làm chấn động dư luận nước Pháp. Đây là một chiến thắng quân sự lớn nhất từ đầu cuộc kháng chiến đến lúc bấy giờ của lực lượng vũ trang Biên Hòa nói riêng, lực lượng vũ trang Miền Đông Nam bộ nói chung. Trận đánh giao thông La Ngà đánh dấu bước tiến vượt bậc về khả năng phối hợp, tổ chức, trình độ chiến thuật, kỹ thuật của lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hoà, đồng thời thể hiện được chính nghĩa và chủ nghĩa nhân đạo của cách mạng Việt Nam. Các đơn vị tham

gia trận đánh được vinh dự nhận Huân chương Quân công hạng II do Bác Hồ trao tặng.

1.2.Đánh tháp canh De Latour và sự hình thành cánh đặc công

Thất bại ở Việt Bắc năm 1947 đánh dấu sự phá sản chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp, buộc chúng phải chuyển hướng chiến lược sang “đánh lâu dài”, lấy chiến trường Nam bộ thực hiện chiến lược bình định “dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”.

Tướng De Latour (Đờ La tua) tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Nam bộ chọn miền Đông làm trọng điểm bình định, thực hiện chiến lược “vét dầu loang” (còn có tên khác là chiến thuật “điểm và đường” hay chiến thuật De Latour) bằng cách xây dựng đồn bót dày đặc dọc theo các quốc lộ 1, 15, 20 và tỉnh lộ 24, 16, 2. Địch xây dựng hệ thống tháp canh nhằm bảo vệ các đường giao thông và vùng kinh tế quan trọng và đồng thời lấn sâu vào vùng căn cứ và du kích kháng chiến. Tháp canh được xây dựng bằng gạch hoặc đá, tường dày từ 0,6 đến 0,8 mét, độ cao từ 8 đến 10 mét (nếu là tháp nhỏ), từ 12 đến 12 mét (tháp lớn). Tháp canh được bố trí nhiều tầng (tầng ngủ, tầng canh gác...) xung quanh có các lỗ châu mai, trang bị súng trọng liên, phóng lựu, lựu đạn, do một tiểu đội canh giữ. Mỗi tháp canh cách nhau 1 km, có nơi chỉ cách 300 đến 500 mét. Về sau, địch đắp thêm lũy đất dày xung quanh 4 tường tháp canh, xung quanh có hàng rào tre, hàng rào kẽm gai có gai mìn, lựu đạn, địa hình phát trổng, có hệ thống đèn soi sáng... Nhờ vào chiều cao của tháp canh, tầm quan sát của địch xa và rộng, khống chế các đường giao thông gây cho ta nhiều khó khăn.

Ông Trần Công An làm tổ trưởng tổ tác chiến trong ban tham mưu huyện đội Tân Uyên. Được sự đồng ý và giao nhiệm vụ lập phương án tác chiến. Ông Trần Công An đi nghiên cứu tháp canh ở cầu Bà Kiên và nghiên cứu thực địa để đột nhập bót cùng với hai đồng chí du kích nhanh nhẹn là Hồ Văn Lung và Trần Văn Nguyên.

Đêm 18 rạng 19 tháng 3 năm 1948, tổ du kích Tân Uyên do Trần Công An, Hồ Văn Lung, Trần Văn Nguyên lên đường đánh tháp canh, vũ khí gồm 1 súng trường, 8 lựu đạn và một chiếc thang cây. Cả ba du kích ở trên, dùng bùn non bôi lên người. Các anh vượt qua hàng rào quanh tháp, áp thang vào tường, hai đầu thang có bọc vải để không gây tiếng động.

Cả ba anh đều leo lên thang, dùng lựu đạn đánh vào cả ba tầng tháp canh. Toàn bộ 11 tên lính trong tháp đều bị chết, ta thu 8 súng và 20 lựu đạn.

Trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên gây tiếng vang lớn. Lần đầu tháp canh De Latour bị đánh hạ. Với lối đánh bí mật, tiếp cận, lợi dụng sơ hở của địch để tiến công mục tiêu, du kích Tân Uyên, Biên Hòa đã mở ra một cách đánh mới để hạ tháp canh. Cách đánh đó đòi hỏi lòng gan dạ, dũng cảm, trí thông minh, sáng tạo biết khắc phục khó khăn, biết tìm sơ hở của địch mà đánh.

Theo chỉ đạo của bộ tư lệnh khu Biên Hòa đã huấn luyện 300 chiến sĩ để đánh tháp canh. Ngày 23 tháng 3 năm 1950, 300 chiến sĩ chia làm 50 tổ đã đồng loạt đánh cùng lúc vào 50 tháp canh bằng loại mìn FT. Năm mươi tháp canh của giặc Pháp đều bị đánh thủng. Trên 70 tên lính trong tháp canh bị chết, ta thu nhiều súng các loại. Trận đánh vào 50 tháp canh ở Biên Hòa làm dao động tinh thần binh lính Pháp, ngại, nhất là số canh giữ tháp. Địch thân tướng Chanson chỉ huy quân viễn chinh Pháp ngày 24 tháng 3 lên Biên Hòa xem xét, một mặt trấn an tinh thần binh sĩ, mặt khác chỉ đạo việc tăng cường phòng thủ tháp canh.

Sau trận đánh được Bộ tổng Tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam gửi điện khen ngợi vì sáng tạo cách đánh mới. Cách đánh tháp canh mới này được gọi là “công đồn đặc biệt” gọi tắt là “đặc công”. Chiến sĩ đánh tháp canh được gọi là chiến sĩ đặc công.

Đêm 18 tháng 4 năm 1950, tổ đặc công Tân Uyên do Trần Công An chỉ huy với vũ khí FT và bê ta đánh sập hoàn toàn tháp canh cầu Bà Kiên lần thứ hai, diệt toàn bộ lính địch canh gác. Đêm 24 tháng 4 năm 1950, tổ đặc công huyện Tân Uyên phá hủy hoàn toàn tháp canh Vàm Giá (xã Phước Vĩnh) trên quốc lộ 14. Diệt một trung đội lê dương Pháp.

Từ kinh nghiệm đánh tháp canh ở Biên Hòa, kỹ thuật đặc công đã phát triển rộng trong toàn khu miền Đông, góp phần làm thất bại hoàn toàn chiến thuật De Latour của thực dân Pháp.

Cách đánh đặc công là cách đánh mới, một kỹ thuật tác chiến độc đáo sáng tạo của quân dân Biên Hòa. Từ Biên Hòa, cách đánh đặc công được nhân rộng ra cả nước, là tiền đề để đặc công tiếp tục phát triển, hoàn thiện và trở thành binh chủng đặc biệt tinh nhuệ của quân đội nhân dân Việt Nam. Ngày 19 tháng 3 hàng năm được lấy làm ngày truyền thống của Binh chủng đặc công anh hùng, đã góp phần làm thất bại chiến thuật Delatour của thực dân Pháp ở Đông Nam Bộ nói riêng và Nam Bộ nói chung.

2. Kháng chiến chống Mỹ (1954- 1975)

Ngày 7 tháng 5 năm 1954, với chiến thắng Điện Biên Phủ, chúng ta đã buộc Pháp phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ. Theo Hiệp định, Pháp phải chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới quân sự tạm thời và nước Việt Nam sẽ thống nhất bằng cuộc Tổng tuyển cử tự do vào tháng 7 năm 1956.

Nhưng sự đòi khó ngờ, Pháp vừa “cuốn gói” ra khỏi nước ta thì Mỹ lại nhảy vào. Mỹ thiết lập một bộ máy cai trị ở miền Nam Việt Nam, lập chính phủ bù nhìn với Ngô Đình Diệm là người đứng đầu. Chúng biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và là một trong năm chốt trụ: Thái Lan, Phi-lip-pin, Hàn Quốc, Việt Nam Cộng Hòa và Đài Loan nhằm ngăn chặn “Làn sóng Đỏ” lan ra khắp châu Á.

Đất nước bị chia cắt, ở hai miền là hai thể chế chính trị khác nhau, từ một nước mà giờ tách làm hai. Những tưởng chỉ cần để cho đồng bào miền Nam chờ hai năm thôi, hai năm thôi là Nam- Bắc một nhà, sẽ thống nhất bằng con đường hòa bình, nhưng không Mỹ đã khiến nhân dân ta phải đứng lên thống nhất đất nước bằng máu và nước mắt và cả những chiến công đẫm đờ.

2.1. Nổi dậy phá khám Tân Hiệp

Với sự chỉ đạo của quan thầy, Ngụy quyền Ngô Đình Diệm liên tục mở các chiến dịch "tố cộng, diệt cộng", mở rộng hệ thống nhà tù để giam cầm, đày ải, truy bức cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước ở miền Nam. Hàng trăm, hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ cách mạng bị địch bắt đưa về giam giữ ở các nhà tù khắp miền Nam, trong đó có nhà tù Tân Hiệp, Biên Hòa.

Nhà tù Tân Hiệp mà chế độ Mỹ - Diệm gọi là “Trung tâm huấn chỉnh Biên Hòa” có diện tích 3.600 m² nằm cạnh quốc lộ 1 đối diện Bệnh viện tâm thần Biên Hòa, cách trung tâm thị xã Biên Hòa 2 km về phía Đông. Đây là một trong sáu nhà tù lớn của địch ở miền Nam nước ta lúc bấy giờ. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Mỹ - Diệm đã bắt hàng ngàn cán bộ đảng viên, đồng bào yêu nước khắp miền Nam giam giữ tại đây. Đến thời điểm tháng 12 năm 1956 nhà tù Tân Hiệp địch giam 1.872 người trong đó có nhiều nhân sĩ, trí thức yêu nước.



Dãy xà lim nhà lao Tân Hiệp

Trước những hành động khủng bố, tàn sát ngày càng trắng trợn của Mỹ - Diệm, thực lực cách mạng ngày càng tổn thất nghiêm trọng. Không ảo tưởng trong cuộc “đấu tranh chính trị đơn thuần” đối với kẻ thù ngày càng lộ rõ bộ mặt phát xít, từ giữa năm 1956, Đảng ủy nhà tù Tân Hiệp (Biên Hòa) chủ trương tổ chức phá khám trở về với cách mạng, với nhân dân.

Tháng 11 năm 1956, phương án nổi dậy phá khám Tân Hiệp hoàn thành. Công tác chuẩn bị được tiến hành chặt chẽ và chu đáo. Đội xung kích gồm những đồng chí khỏe mạnh, có kinh nghiệm chiến đấu do đồng chí Nguyễn Văn Cội, nguyên huyện đội phó huyện Củ Chi làm đội trưởng, đồng chí Lê Minh Toàn làm chính trị viên. Tổ liên lạc có 6 người do đồng chí Ngô Văn Quảng, Bí thư huyện ủy Vĩnh Cửu làm tổ trưởng. Đồng chí Nguyễn Văn Chuộng được Đảng ủy cử làm trưởng đoàn tù vượt ngục trở về căn cứ.

Giờ G, phá khám ấn định là chiều ngày chủ nhật 02 tháng 12 năm 1956.

Chiều chủ nhật, nhà tù Tân Hiệp vẫn trong không khí bình lặng như mọi ngày. Sinh hoạt của tù nhân vẫn diễn ra theo giờ giấc qui định của trại. Sau buổi cơm chiều, đúng 17 giờ 30 phút đài phát thanh Sài Gòn phát chương trình cổ nhạc. Anh chị em tù nhân tập trung ngồi trước cửa trại vừa nghe nhạc vừa đợi giờ vào trại. Một số anh em còn lảng vảng quanh sân, gần cột cờ và các bót gác.

17 giờ 40 phút, tất cả các đồng chí trong lực lượng xung kích đều ở trong tư thế sẵn sàng. Các tổ chiến đấu áp sát những mục tiêu đã được phân công.

17 giờ 50 phút, sau tiếng keng báo tù nhân vào trại thì tiếng hô “xung phong” vang dậy khắp nơi. Xung kích nhanh chóng tiến thẳng đến mục tiêu. Tổ xung kích xông thẳng vào kho vũ khí bắt trói trưởng toán gác lấy toàn bộ vũ khí. Bọn lính kẻ bên hốt hoảng bỏ chạy tán loạn. Cùng lúc đó một tổ xông thẳng đến nhà tên giám đốc Tính. Vợ hắn la hoảng, tên công an tài xế chạy đến ứng cứu bị anh em ta đánh gục. Một bộ phận xung kích xông thẳng vào trại giam bắt trói tên thượng sĩ chỉ huy lính bảo an và cắt dây điện thoại.

Phải mất mấy phút sau cánh cổng mới mở được. Anh em tù nhân từ các trại D, E, G ào ạt tuôn ra cửa. Trước làn sóng người tràn ra như nước vỡ bờ, tên lính gác bên ngoài cổng chính giương súng bắn, lập tức bị một xung kích quật ngã và đoạt lấy súng. Dòng người tuôn ra cửa mỗi lúc một đông. Một số anh chị em không được phổ biến trước cũng vội vàng chạy theo. Cánh cổng chính trại giam thay vì khi mở kéo vào nhưng trong lúc vội vàng tù nhân lại cố sức đẩy bật ra nên chỉ mở được một cánh, cánh kia chỉ hé được một phần gây ùn tắc, một số anh em kên nhau nhảy vọt qua hàng rào. Tiếng hô xung phong vang dội, tiếng gọi nhau, tiếng chân chạy rầm rập của hàng trăm người. Lúc đầu lực lượng xung kích của ta hoàn toàn làm chủ tình hình. Hơn 15 phút sau bọn chúng mới hoàn hồn, vội vã nổ súng phản kích và truy đuổi.

Theo kế hoạch của ta thì khi dứt điểm hoàn toàn các mục tiêu bên trong, lực lượng xung kích nhanh chóng chuyển ra ngoài triển khai chốt chặn ở hai đầu đường, dùng súng cướp được bắn áp chế các tháp canh số 1 và số 2 để yểm trợ anh chị em tiếp tục chạy thoát. Do có sự ùn tắc ngoài dự kiến, nên không thực hiện được phương án.

Khi địch nổ súng, một bộ phận xung kích gồm các đồng chí Nguyễn Chiến Lũy (Hai Thông), Phạm Văn Rô, Tân, Thức... đang vận động về phía sau trại E, quay súng bắn kiềm chế hai tháp canh (tháp 1 và 2) nhằm hút hỏa lực địch về phía sau.

Trước làn đạn xối xả của địch, số anh chị em ta chạy ra sau trúng đạn gần 30 đồng chí vừa hy sinh, vừa bị thương nằm trước cổng trại, bên ngoài sân banh và ven bờ suối.

Cuộc nổi dậy phá khám nổ ra trong vòng 40 phút. Đến 18 giờ 30 số tù nhân còn lại bị địch gom vào các trại, binh lính canh giữ nghiêm ngặt.

Sau khi thoát khỏi trại giam, đoàn vượt ngục chia làm nhiều cánh để tìm về căn cứ. Mặc dầu địch tăng cường lực lượng truy đuổi, phục kích bố ráp gắt gao, nhưng không một ai nản lòng, có 462 đồng chí thoát được trở về tới căn cứ.

Gần 500 cán bộ, đảng viên với 41 khẩu súng các loại thu được là nguồn bổ sung vô giá cho phong trào vũ trang Đồng khởi ở miền Nam.



Mô hình trận phá khám nhà lao Tân Hiệp

Trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, đây là cuộc nổi dậy phá khám để tự giải phóng có quy mô lớn nhất, đưa được số lượng lớn cán bộ nòng cốt của Đảng về với cách mạng và cướp được số lượng vũ khí nhiều nhất.

2.2. Trận đánh Nhà Xanh

Nhà máy của BIF (Bien Hoa Industrielle de Forestier- Biên Hòa kỹ nghệ rừng) là một trong những cơ sở công nghiệp đầu tiên được Pháp xây từ năm 1907 tại Tân Mai, quận Châu Thành, Biên Hòa. Đây là nhà máy có phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ và sớm hình thành tổ chức Công hội đỏ và chi bộ Đảng cộng sản vào những năm 30 của thế kỉ XX.



Di tích Nhà Xanh hiện nay

Ngày 1 tháng 7 năm 1958, dưới sức ép của chính quyền Ngô Đình Diệm, chủ nhà máy phải bán cơ sở này cho Trần Lệ Xuân, lập ra “Công quản khai thác nhà máy của BIF”. Sau đó văn phòng nhà máy trở thành cư xá của chuyên gia cố vấn quân sự Mỹ trong phái đoàn MAAG (Mission Army American Group), làm nhiệm vụ cố vấn, huấn luyện cho sư đoàn 7 ở Biên Hòa.

Để ngăn chặn những hành động tội ác của giặc mà bọn đầu sỏ chỉ huy là bè lũ cố vấn Mỹ, ban lãnh đạo Liên tỉnh ủy miền Đông quyết định tổ chức lực lượng tập kích vào trụ sở phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) đóng tại nhà máy của BIF thị xã Biên Hòa

Liên tỉnh ủy quyết định chọn một số điểm ở Biên Hòa để điều nghiên đánh Mỹ. Đánh Mỹ ở Biên Hòa thắng lợi sẽ có tác động lớn vì sau Sài Gòn, đây là hậu cứ, là trung tâm đầu não của bọn Mỹ - Ngụy ở miền Đông, nơi được mệnh danh là “sân sau của Sài Gòn”. Ban quân sự miền Đông giao trách nhiệm cho đồng chí Lâm Quốc Đăng tổ chức thực hiện nhiệm vụ quan trọng này với phương châm là tuyệt đối bí mật, an toàn, chắc thắng.

Đầu tháng 2 năm 1959, đồng chí Nguyễn Văn Hoa (Năm Hoa) đại đội phó C250 nguyên là thị ủy viên thị xã Biên Hòa nghiên cứu tình hình. Cuối tháng 6 năm 1959, Liên tỉnh ủy và Ban quân sự miền Đông thông qua phương án tập kích vào cư xá bọn cố vấn quân sự Mỹ ở Biên Hòa và ấn định vào 19 giờ ngày 7 tháng 7 năm 1959 nổ súng.

Chiều tối ngày 5 tháng 7 năm 1959, từ căn cứ chiến khu Đ, phân đội vũ trang gồm 6 đồng chí nhận lệnh xuất phát. Khuya ngày 5 tháng 7, đơn vị đã về gò Cây Trâm Muối rừng Tân Phong – Khu căn cứ của Thị ủy Biên Hòa. Ngày 6 tháng 7, đồng chí Ba Lễ vào căn cứ gặp mặt toàn đội, trao đổi về tình hình và kế hoạch tác chiến.

Đêm 6 tháng 7, đội vũ trang tiếp tục bí mật hành quân về rừng chồi Gò Me ém quân trong căn hầm bí mật phía sau nhà má Nguyễn Thị Xuân (Ba Xuân) - một cơ sở cách mạng của Thị ủy Biên Hòa.

Ngày 7 tháng 7 khoảng 19 giờ, nhá nhem tối, phân đội vũ trang cải trang thành toán lính đi tuần tới Gò Me men theo bờ ruộng tiến thẳng vào mục tiêu. Tín hiệu của cơ sở cho thấy mọi bí mật vẫn hoàn toàn đảm bảo. Bên trong cư xá, sáu cố vấn Mỹ đang chăm chú xem bộ phim “Cái áo rách” do diễn viên Kanne Grain đóng, chiếu bằng một máy chiếu nhỏ ngay ở trong phòng khách tầng trệt. Bọn lính đến đôi phiên gác. Đồng chí Nguyễn Thành Long, tự vệ mật, nguyên là thợ sửa chữa điện ở tiệm Minh Tuyền (chợ Biên Hòa) kịp thời nổ súng diệt tên lính gác cổng. Một số tự vệ mật khác cũng nhanh chóng chặn kho súng, cho nổ thủ pháo ở khu nhà tên sĩ quan chỉ huy và dẫy nhà lính, làm nhiệm vụ kèm chân địch, không cho chúng phản công đánh vào sau lưng các chiến sĩ vũ trang. Các chiến sĩ vũ trang nhanh chóng theo lối cổng phụ tiến vào áp sát cư xá. Hai đồng chí bí mật nấp sau cửa sổ chĩa súng vào bên trong sẵn sàng nổ đạn. Hai chiến sĩ khác ém sát sau tấm rèm che cửa phòng ăn. Riêng đồng chí Huệ và đồng chí Sắc mang mìn theo lối cửa hông (lối xuống bếp) lợi dụng lúc địch tắt đèn xem phim. Đưa mìn vào đặt sẵn bên trong. Nhưng ngay lúc đó, đèn trong phòng bỗng bật sáng. Cuốn phim thứ nhất đã hết, trung sĩ Ovmand mở công tắc đèn để thay phim.

Trước tình huống bất ngờ, đồng chí Năm Hoa phát lệnh nổ súng ngay. Mấy loạt tiểu liên từ phía hai cửa sổ bắn chéo vào phòng. Thiếu tá Buis và trung sĩ Ovmand trúng đạn chết tại chỗ, đại úy Boston bị thương. Cùng lúc, đồng chí Huệ ôm quả mìn bước lên bậc tam cấp cửa hông thì đụng phải tên bồi bàn hốt hoảng lao xuống. Một lính Mỹ nhảy xuống trườn qua phòng bên để tắt đèn. Không để cho bọn Mỹ kịp phản ứng, nhận rõ thời cơ diệt địch, đồng chí Huệ

dững cảm chấp nhận hy sinh. Anh hô to: “chấm điện”. Đồng chí Sắc ở phía sau chấp mạnh hai đầu dây vào khối pin. Một quãng lửa chớp sáng lòa kèm theo một tiếng nổ mạnh làm rung chuyển mạnh cả một khu vực cư xá. Hệ thống đèn phụt tắt. Đồng chí Nguyễn Văn Huệ anh dũng hy sinh, đồng chí Sắc bị thương. Bốn đồng chí còn lại xông thẳng vào nhà quét vôi loạt đạn và nhanh chóng diu đồng chí Sắc rút ra ngoài.

Trận đánh diễn ra chưa đầy 15 phút. Địch không kịp trở tay, kể cả số lính bảo vệ nằm sát cư xá. Theo phương án, 5 đồng chí còn lại trong đội vũ trang vượt rào, sân banh, ra lộ 15 hướng suối Săng Máu, rút về chiến khu an toàn. Tự vệ mật Thị ủy Biên Hòa nhanh chóng tản về các nơi, giấu vũ khí, thay đổi trang phục.

Một tiếng đồng hồ sau trận đánh, bọn địch các nơi mới đến được khu cư xá Mỹ. Bọn quân cảnh, cảnh sát Sài Gòn cũng cấp tốc kéo về Biên Hòa phối hợp truy lùng. Suốt đêm lính địch nhón nháo khắp nơi nhưng chẳng phát hiện được gì ngoài một số vết tích nghi trang còn lưu lại.

Thế là sau mấy tháng trời âm thầm chuẩn bị với bao công sức của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân miền Đông, trực tiếp là đơn vị đặc công C250 và Đảng bộ nhân dân thị xã Biên Hòa, trận tập kích địch vào cư xá phái đoàn cố vấn Mỹ ở BIF (Nhà Xanh) hoàn thành thắng lợi.

Trận đánh phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ tại Nhà Xanh (BIF) là trận đánh Mỹ đầu tiên của nhân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

2.3. Đánh sân bay Biên Hòa

Sân bay Biên Hòa cách Sài Gòn 30 km về phía Đông Bắc là một trong những sân bay quân sự lớn nhất của Mỹ - ngụy ở miền Nam, rộng khoảng 49 km² với 2 đường băng dài 3.600 mét và 1.000 mét. Sân bay được trang bị hệ thống radar, hệ thống chỉ huy liên lạc tối tân. Bên trong sân bay có 6 khu rộng chứa từ 170 – 190 máy bay, thường xuyên có 500 sĩ quan, phi công, nhân viên kỹ thuật và hàng trăm binh lính Mỹ - ngụy đồn trú bảo vệ. Hệ thống phòng thủ sân bay được địch bố trí kiên cố và nghiêm ngặt gồm nhiều lớp hàng rào kẽm gai với chiều rộng gần 1 km, bãi mìn, lựu đạn dày đặc và nhiều lô cốt, bốt gác xung quanh. Ban đêm, sân bay được soi sáng bằng một hệ thống đèn pha cực mạnh. Lực lượng bảo vệ sân bay gồm đại đội pháo binh, một đại đội xe tăng, một tiểu đoàn quân khuyến (100 con chó béc giê). Bên cạnh sân bay là sở chỉ

huy quân đoàn 3 ngự, bên ngoài sân bay có một tiểu đoàn quân Mỹ và một tiểu đoàn lính bảo an ngự thường xuyên tuần tra canh gác.

Bộ chỉ huy Miền chỉ định các đồng chí Lương Văn Nho (Hai Nhã) và Nguyễn Văn Búra (Hai Hồng Lâm) tổ chức chỉ huy trận đánh. Huyện ủy Vĩnh Cửu huy động gần 100 dân công tham gia tải đạn từ chiến khu Đ để phục vụ cho trận đánh.

Lực lượng tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu gồm một đại đội cối 81 (7 khẩu), một đại đội DKZ 75 (2 khẩu) của Miền kết hợp một đại đội cối 81 (3 khẩu), một trung đội đặc công tiểu đoàn 800 của quân khu miền Đông (T1), đại đội địa phương tỉnh Phước Thành và lực lượng vũ trang huyện Vĩnh Cửu, thị xã Biên Hòa.

Chiều 31 tháng 10 năm 1964, từ căn cứ chiến khu Đ, các đơn vị xuất phát, bí mật hành quân đến vị trí tập kết, bố trí trận địa tại Hóc Bà Thúc (phường Tân Phong) phía Đông - Bắc sân bay Biên Hòa.

23 giờ 20 phút đêm 31 tháng 10 năm 1964, pháo cối ta bắt đầu cấp tập bắn vào sân bay. Từng cụm lửa bốc cháy sáng rực cả một góc trời. Cả thị xã Biên Hòa và các vùng phụ cận rung lên vì những tiếng nổ long trời lở đất. Chỉ trong vòng 15 phút gần 130 quả đạn cối rơi gọn và chính xác xuống các mục tiêu, phá hủy 59 máy bay, trong đó có 21 máy bay B57, loại máy bay tối tân của Mỹ lúc bấy giờ mới đưa từ Philipin chuẩn bị gây tội ác ở miền Bắc, 11 máy bay AD6, 1 máy bay do thám (U2), diệt và làm bị thương 253 tên địch, thiêu hủy và nổ tung hoàn toàn 2 kho đạn lớn, 1 kho xăng, 1 đài quan sát và 18 căn trại lính. Địch không kịp phản ứng, ta rút về căn cứ an toàn.



Cảnh tượng đổ nát của sân bay Biên Hòa

Sáng 1 tháng 11 năm 1964, Taylor đại sứ Mỹ từ Sài Gòn tức tốc đến sân bay Biên Hòa, thốt lên: “Rõ ràng Việt Cộng làm một việc chưa hề có...” và “Tôi không muốn nhìn thấy cảnh tượng này nữa”. Báo Thế giới Tây Đức nhận xét rằng: “Trận đòn của Việt Cộng đánh vào sân bay của Mỹ ở Biên Hòa làm cho các nhà quân sự ở Hoa Thịnh Đốn rất đau đầu. Người ta cho rằng không còn có gì thêm nữa, Việt Cộng cũng có khả năng lập lại cuộc tấn công như vậy vào các vị trí quan trọng khác trong khi không bị thương vong một người nào. Việt Cộng ở Biên Hòa đã thực hiện một điều lý tưởng về chiến thuật quân sự là dùng phương tiện tối thiểu để thu được kết quả tối đa và gây tác hại hàng chục triệu đô la cho không quân Mỹ”.

Đây là một trận đánh táo bạo, bất ngờ. Lần đầu tiên, pháo binh Miền đã tận dụng yếu tố bí mật, kết hợp với lực lượng địa phương và phong trào quần chúng, mở đầu hàng loạt trận pháo kích vào các mục tiêu chiến lược quan trọng của Mỹ - ngụy.

Chiến thắng tại sân bay Biên Hòa làm nức lòng quân dân cả nước. Lực lượng pháo binh Miền được tặng thưởng Huân chương quân công hạng nhất, huân chương cao nhất lần đầu tiên được tặng thưởng ở miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bác Hồ kính yêu đã viết bài ca ngợi chiến thắng này trên báo Nhân dân số 3878 ngày 12 – 11 – 1964:

“Uy danh lừng lẫy khắp năm châu

Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu

Thành đồng trông thẳng lay lâu trắng

Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu.”

2.4. Tấn công Tổng kho Long Bình

Tổng kho Long Bình diện tích khoảng 24 km², nằm cách Sài Gòn về phía đông 20 km, thành phố Biên Hòa 7 km. Trong tổng kho Long Bình có Bộ tư lệnh dã chiến II Mỹ, Bộ tư lệnh hậu cần số 1 của Mỹ, đồng thời là kho bom, đạn lớn của Mỹ ở miền Nam Việt Nam được xây dựng từ giữa năm 1965. Lực lượng Mỹ - Ngụy thường xuyên có 2.000 tên.

Tổng kho địch tổ chức phòng thủ chặt chẽ, bao bọc xung quanh từ 7 đến 12 lớp rào kết hợp gài mìn trái. Các lô cốt tiền duyên cách nhau 30 – 40 mét

nằm cách lớp rào cuối cùng từ 40 – 50 mét. Bên trong có nhiều tuyến hào nối các lô cốt, đường đi, lối lại ngang dọc, hai bên đường đều rải hàng rào kẽm gai.



Tổng kho bom Long Bình nhìn từ trên cao

Hai khu kho quan trọng trong tổng kho là khu kho đôi 50 và đôi 53, có 18 dãy nhà kho với khoảng 200 gian chia làm 3 khu (mỗi khu 6 dãy), mỗi dãy cách nhau 100 mét, các nhà cách nhau 60 mét. Nhà kho xây hình khối chữ nhật, cửa thép có khóa sắt, xung quanh có ụ đất dày 4 – 5 mét.

Ngày 22 tháng 6 năm 1966, sáu chiến sĩ đặc công chia làm ba tổ bí mật vượt rào và chường ngại vật tiếp cận khu kho đôi 53 đặt mìn có gắn kíp nổ hẹn giờ bằng đồng hồ.

Sáng 23 tháng 6, khu kho đôi 53 bắt đầu nổ, toàn bộ khu kho trùm trong khói lửa. Các phương tiện cứu hỏa của địch đều bất lực. Trận đánh gây thiệt hại nặng cho địch, hủy diệt 40.000 quả đạn pháo các loại của Mỹ.



Khu vực chứa bom của Tổng kho Long Bình bị phá hủy

Đây là trận tiến công đầu tiên của đặc công Biên Hòa vào tổng kho Long Bình, mở đầu cho hàng loạt trận đánh sau này. Trận đánh giành thắng lợi lớn và được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương quân công giải phóng hạng III và 4 huân chương chiến công giải phóng.

2.5. Chiến dịch Xuân Lộc, đập tan cánh cửa thép của Mỹ- Ngụy:

Trước tình hình tiến công và nổi dậy của quân dân ta, chính quyền Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ. Để cứu vãn tình hình, ngày 28 tháng 3 năm 1975, trung tướng Mỹ Uyên, đại sứ Mỹ Mác-tin cùng phái đoàn quân sự cao cấp của Nhà Trắng đến Sài Gòn bàn ra kế hoạch cứu cho chính quyền Mỹ- Ngụy thoát khỏi sụp đổ.

Uây-en quyết định xây dựng một tuyến phòng thủ mới chốt tại thị xã Phan Rang, nối liền với Xuân Lộc làm căn cứ trung tâm và Tây Ninh là chốt phía tây bắc. Uây-en nhấn mạnh với Thiệu là "Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn" và Nguyễn Văn Thiệu đã hứa hẹn với quan thầy: "Dù có chết, tôi cũng quyết giữ cho được Xuân Lộc".

Từ ngày 4 tháng 4 năm 1975, đội biệt động và trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh đã bí mật dẫn đường cho trinh sát Sư đoàn 1, Sư đoàn 7 (Quân đoàn 4) vượt qua các hàng rào, tua, chốt gác của địch vào thị xã điều nghiên, nắm tình hình và lên phương án tác chiến. Hàng ngàn lá cờ Mặt trận đã được Thị ủy Long Khánh chuyển vào cho các cơ sở bí mật bên trong. Truyền đơn binh vận được rải nhiều nơi, đánh vào tư tưởng, làm rệu rã thêm tinh thần của binh lính ngụy.

Sáng ngày 9 tháng 4 năm 1975, chiến dịch Xuân Lộc bắt đầu. Sau các loạt pháo bắn cấp tập vào những mục tiêu trong thị xã, các cánh quân của ta nổ súng tiến công trên hai hướng đông bắc và tây bắc. Chỉ sau một giờ chiến đấu, quân ta đã chiếm được căn cứ biệt động quân, trụ sở tình báo CIA Mỹ ở nội ô thị xã.

Trên hướng tây thị xã, Sư đoàn 6 vẫn làm chủ lộ 1 từ đèo Mẹ Bồng Con đến ấp Phan Bội Châu. Hướng bắc thị xã, Tiểu đoàn 445 bộ đội địa phương tỉnh và K8 - bộ đội huyện đánh tan Liên đoàn 936 tại Bình Phú, Suối Cát, bắt sống 117 tên. Từ ngày 11 đến 13-4, các lực lượng du kích và bộ đội địa phương bao vây căn cứ Núi Thị, giải phóng các xã và các đồn điền cao su.: Hàng Gòn, Cẩm Mỹ, Suối Râm... mở rộng bàn đạp đứng chân cho các đơn vị bộ đội chủ lực.

Ngày 12 tháng 4, địch cho máy bay oanh kích dữ dội xuống các vị trí trong nội ô thị xã Long Khánh và khu vực phía bắc chi khu Tân Phong. Lữ đoàn dù ngụy số 1 được máy bay đổ xuống ngã ba Tân Phong phối hợp cùng Sư đoàn 18 bên trong đánh ra để giải tỏa áp lực của quân ta.

Liên tục trong các ngày từ 16 đến 19 tháng 4, quân ta bắn hàng ngàn quả đạn pháo vào các mục tiêu quân sự của địch trong thị xã. Đảng viên, cơ sở cốt cán và quần chúng đã vận động làm tan rã hàng trăm binh lính địch.

Trong cơn tuyệt vọng, địch càng tỏ ra điên cuồng, chúng cho máy bay trút bom đạn vào thị xã và vùng ven (trong đó có hai quả bom hơi ngạt CBU). Thế cùng, bọn đầu sỏ chỉ huy lập kế hoạch rút chạy. Ngày 18 tháng 4, Lữ đoàn dù số 1 nhận lệnh rút về phía nam chi khu Tân Phong để yểm trợ cho hướng rút chạy trên liên tỉnh lộ 2. Tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 ngụy ra lệnh "tùy nghi di tản".

22 giờ ngày 20 tháng 4 năm 1975, hơn 220 xe quân sự của địch chen nhau rút chạy về hướng lộ 2. Quân ta tổ chức chốt chặn và truy kích, bắt sống tên đại tá Tỉnh trưởng Phạm Văn Phúc và đám tùy tùng. Rạng sáng ngày 21 tháng 4 năm 1975, tuyến phòng thủ cuối cùng của địch tại thị xã Long Khánh ở phía

đông bắc Sài Gòn hoàn toàn bị phá vỡ. Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng. Thị xã Long Khánh hoàn toàn được giải phóng.

Ngay trong đêm 21 tháng 4, khi phòng tuyến Xuân Lộc hoàn toàn sụp đổ, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã phải tuyên bố từ chức, tìm đường trốn chạy ra nước ngoài. Cùng trong thời điểm này, bên kia bờ đại dương, tổng thống Mỹ cũng công khai nhìn nhận: Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã kết thúc với Mỹ.

3. Cảm nhận về truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa- Đồng Nai:

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, những tưởng dân tộc ta cuối cùng đã được hòa bình, cuối cùng đã có thể tự do, nhưng chúng ta vẫn bị bọn thực dân, đế quốc xâm chiếm. Nhưng nhân dân ta không đầu hàng, chúng ta quyết tâm giành lại độc lập dù có thể nào đi chăng nữa.

Với lòng yêu nước nồng nàn, truyền thống cách mạng hào hùng, tiếp nối cha anh, chúng ta lần lượt hạ bọn thực dân, đế quốc, đem lại bình yên cho dân tộc. Sánh vai cùng các tỉnh khác trên đất nước, vùng đất Biên Hòa- Đồng Nai cũng thể hiện rõ tầm quan trọng của mình, bộc lộ truyền thống cách mạng của nhân dân nơi đây

Truyền thống đấu tranh cách mạng không phải được tích lũy ngày một ngày hai mà trải qua thời gian rất dài, được chắt chiu chọn lọc để tiếp nối các bậc tiền nhân trên con đường đúng đắn mà họ đã đi. Truyền thống cách mạng và truyền thống yêu nước đã khiến cho nhân dân Biên Hòa lập nên những chiến công, những bước ngoặt trong cuộc cách mạng. Từ trận đánh giao thông La Ngà, phá tan tháp canh De Latour, cho đến phá khám Tân Hiệp, trận đánh Nhà Xanh oai hùng.....

Truyền thống đấu tranh cách mạng hào hùng được hun đúc trong từng người ở Biên Hòa- Đồng Nai. Nhân dân Biên Hòa vốn chỉ là những người nông dân, công nhân, là những bạn học sinh trong độ tuổi thanh xuân, là những trí thức, thương gia với tấm lòng ái quốc nồng nàn. Họ chỉ là những con người bình thường như bao con người khác, được sinh ra và lớn lên tại mảnh đất này. Bình thường như thế nhưng họ là những người đã đánh đuổi người Tây phương, đánh đuổi những kẻ vốn được trang bị hiện đại hơn mình về quân sự. Chỉ với tấm lòng yêu nước, truyền thống đấu tranh cách mạng và vũ khí thô sơ. Họ chiến đấu vì lý tưởng, vì Tổ quốc, vì gia đình, vì bản thân mình. Phàm trên đời không ai muốn một kẻ xa lạ điều khiển bản thân mình, bản thân ta vẫn là bản thân ta. Vì thế, khi đặt ách thống trị của mình lên vùng đất Biên Hòa- Đồng Nai,

thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đều vấp phải sự kháng cự của quân dân. Họ không đồng tình, không muốn một cái chế độ áp đặt như vậy và họ đứng lên lật đổ nó. Một cuộc cách mạng!! Và quân dân Biên Hòa- Đồng Nai đã chứng minh được rằng truyền thống đấu tranh cách mạng của dân tộc ta vẫn được nối tiếp qua từng thế hệ, từng vùng miền dù là được khai phá trước hay sau. Truyền thống đấu tranh cách mạng của Biên Hòa- Đồng Nai mới hào hùng, vĩ đại làm sao! Làm sao mới có thể biểu đạt được hết sự tuyệt vời của truyền thống đấu tranh cách mạng của quân dân vùng đất này cũng như toàn thể đất nước Việt Nam đây?

Mỗi khi đọc được về các trận đánh của quân dân Biên Hòa- Đồng Nai tôi lại phải trầm trồ trước lối đánh của các vị. Từ chiến thuật cho đến khi thực chiến, tất cả đều không thể khiến tôi có thể ngừng được. Chỉ là mới qua những ghi chép lại mà có thể khiến người đọc cảm thấy đầy hào khí như vậy, thử hỏi khi được tận mắt chứng kiến thì có thể ra sao?

Là con cháu của cựu chiến binh, tôi thường được nghe kể về những trận đánh của Biên Hòa từ khi còn nhỏ. Điều đáng tiếc là cho đến hiện nay, phần kí ức về những trận đánh đó trong tôi lại rời rạc và khá mơ hồ, nhưng thứ đọng lại trong tôi dù qua bao tháng năm đó chính là ánh mắt của ông. Khi ông tôi kể chuyện đôi mắt của ông như sáng lên, như một thước phim tua ngược về thời gian quá khứ, về những gì ông chứng kiến, được quay lại bằng chính đôi mắt của mình. Và giờ khi nhớ lại, chính những câu chuyện được nghe kể, được đọc, chính những thứ đó đã khơi lên truyền thống cách mạng. Không cần bằng những trận đánh thực nghiệm, tất cả chỉ đơn giản vậy thôi.

“Một đứa trẻ chưa bao giờ biết đến hòa bình sẽ khác với một đứa trẻ không bao giờ biết đến chiến tranh”. Mỗi thời đại khác nhau, truyền thống cách mạng sẽ biểu hiện khác nhau. Truyền thống cách mạng cũng giống như truyền thống yêu nước, khi cần sẽ bộc lộ “sẽ kết thành làn sóng mạnh mẽ, đánh tan bè lũ cướp nước và bán nước”, còn không nó sẽ ẩn nhẫn, trở thành một nguồn động lực để bản thân cống hiến cho nước nhà.

Tôi không rõ là giới trẻ hiện nay cất giấu các truyền thống đó quá kĩ hay nó không tồn tại nữa. Thời đại này là thời đại 4.0, các bạn trẻ sẽ tiếp nhận những thông tin mới từ Internet. Sẽ biết được nhiều thứ, có góc nhìn đa chiều. Đáng tiếc là lại không có khả năng sàng lọc. Trên mạng các thông tin đều thật thật giả giả, đều được xào nấu một cách tinh vi, với các bạn lập trường không vững chắc dễ dàng bị “đắt mũi”. Chắc chắn lòng yêu nước còn trong thế hệ trẻ, nhưng nhiệt tình đấy, yêu nước đấy mà lại không biết gì thì thành ra phá hoại

thôi. Truyền thống yêu nước cũng giống mà không giống truyền thống cách mạng. Bạn có thể có lòng yêu nước nhưng cách mạng thì không. Theo quy luật hưng phế thì chả chế độ nào là mãi mãi, sẽ có một chế độ tuyệt vời hơn xuất hiện. Nhưng nếu chế độ tuyệt vời đó chưa xuất hiện thì sao? Đất nước đang hòa bình, đang phát triển thì lại chống phá nó. Có nghịch lí lắm không? Nhân danh truyền thống yêu nước nhưng không phải là truyền thống cách mạng.

Bởi thế chúng ta phải phát huy truyền thống cách mạng đúng đắn, đúng lúc, đúng chỗ. “Tiên trách kỷ, hậu trách nhân”, bản thân chúng ta trước rồi tới người khác. Thú thật, bản thân tôi sinh trưởng trong gia đình đều có ông, chú đi bộ đội, cách dạy so với nhà khác hiển nhiên là khác nhau. Chúng tôi được hun đúc truyền thống đấu tranh cách mạng từ nhỏ và không ngừng tìm cách phát huy lên. Vào mỗi mùa hè, tôi thường đến viện bảo tàng và các di tích lịch sử, nơi in đậm dấu xưa. Đọc và nhìn các bức ảnh được lưu lại mới thấy truyền thống đấu tranh cách mạng vĩ đại ra sao. Thỉnh thoảng tôi cũng đi thăm những nhân chứng sống, những con người đã trải qua những trận chiến, họ là những người dễ khơi gợi truyền thống cách mạng nhất. Tin tôi đi, một khi bạn nghe họ kể chuyện bạn sẽ không dừng nghe được đâu. Tôi hay thường kể cho bạn bè nghe về những câu chuyện thời chiến, mặc dù không thể như những cựu chiến binh được, nhưng cũng khiến đám bạn hào hứng. Một mình thì không thể phát huy được hết, nhưng nhiều người đồng lòng thì sao, từng bước từng bước một vực lại truyền thống quý giá của dân tộc. Bản thân rồi thì chúng tôi còn thầy cô. Tôi có một người thầy dạy sử, mặc dù không dạy trực tiếp, nhưng trong một buổi dạy thay, thầy đã thay đổi hẳn bầu không khí trong lớp tôi. Bình thường tiết Sử lớp tôi không ai quan tâm cho lắm, cứ đến giờ đó là mắt của các bạn bắt đầu dúi lại vì giáo viên giảng hàn lâm quá. Nhưng hôm đó thầy đã bẻ ngoặt 180 độ cái định kiến đó, thầy dạy sử kết hợp một chút “tỏ lái”, lồng ghép các xu hướng hiện tại vào bài giảng, khiến cho các bạn lớp tôi nhiệt tình hơn hẳn. Từ những trận chiến chỉ biết có số liệu, các bạn tôi đã thấm được những cái hay, những điều phi thường của quân dân ta. Tôi nhận ra rằng khơi dậy truyền thống cách mạng đối với thế hệ trẻ rất dễ, rất đơn giản, chỉ xin đừng áp đặt, đừng hàn lâm quá, các bạn dễ sinh ra chán ghét và lẠc lối. Chỉ cần tận tâm thôi, các bạn đều thấm được và phát huy hết sức. Giới trẻ là thế đấy.

Truyền thống đấu tranh cách mạng hào hùng của quân dân Biên Hòa không ai có thể phủ nhận. Nó vẫn được truyền qua các thế hệ. Chỉ là còn hay không còn, nhận lấy hay từ chối âu cũng không biết được. Tỉ như còn thì là điều tốt, tỉ như mất, thì vẫn lấy lại được. Tại mảnh đất đầy hào khí anh kiệt này, khôi phục truyền thống rất đơn giản nhưng phụ thuộc vào người khôi phục và người

được khôi phục, có tâm và tầm hay không. Bản thân tôi không có nhiều tài cán, cũng không thể khơi gợi hết được lòng vì sử nước nhà vì truyền thống cách mạng của các bạn được. Các cách phát huy kia là được đúc từ hiện thực này, từ mảnh đất Biên Hòa- Đồng Nai này hy vọng sẽ có ích phần nào. Cuối cùng, cho thế hệ trước và thế hệ hiện tại, cho quá khứ và hiện tại, cho những người đã khuất và những người còn sống, cho truyền thống đấu tranh cách mạng của quân dân Biên Hòa- Đồng Nai, cho sự phát triển của vùng đất, **chúc mừng 320 năm xây dựng và phát triển vùng đất Biên Hòa- Đồng Nai.**

II- PHỤ LỤC MỘT SỐ HÌNH ẢNH





Bức tranh vẽ chiến thắng La Ngà hiện được trưng bày ở Bảo tàng Đồng Nai



Nhà lao Tân Hiệp sau khi được trùng tu lại



Tượng đài chiến thắng Sân bay Biên Hòa



Tác giả chụp cùng ông mình- Chủ tịch Hội cựu chiến binh phường Long Bình

Tư liệu tham khảo

- Sách Biên Hòa- Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển
- Địa chí Đồng Nai tập 3
- <http://dongnai.vncgarden.com/>
- Bản quyền Thở bầy màu thuộc về tác giả Huỳnh Thái Ngọc

- Bản quyền Đậu đỏ tung tăng thuộc về tác giả Mai Thy

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Họ và tên: Đỗ Phương Quyên

Ngày, tháng, năm sinh: 05/08/2002

Giới tính: Nữ

Nghề nghiệp: Học sinh

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Đơn vị học tập: Lớp 11B5- trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi

Nơi thường trú: 35A/87- khu phố 12- phường Hồ Nai- Biên Hòa- Đồng Nai

Số điện thoại: 0908428729

Email: phuongquyen.leogemini@gmail.com

